**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**BỘ MÔN:** ĐỊA LÍ

**KHỐI:** 10

**TUẦN:** 12/HKI (Từ ngày 22/11 đến 27/11/2021)

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**BÀI 23: CƠ CẤU DÂN SỐ**

**I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**NỘI DUNG I:** CƠ CẤU SINH HỌC

- Học sinh đọc nội dung mục I (Cơ cấu sinh học) trang 89, 90/SGK gồm cơ cấu dân số theo giới và cơ cấu dân số theo độ tuổi.

- Học sinh quan sát bảng số liệu cơ cấu dân số già và cơ cấu dân số trẻ trang 90/SGK, hình 23.1 (Các kiểu tháp dân số cơ bản) bao gồm kiểu mở rộng, thu hẹp và ổn định.

**NỘI DUNG II:** CƠ CẤU XÃ HỘI

- Học sinh đọc nội dung mục II (Cơ cấu xã hội) trang 91, 92/SGK gồm cơ cấu dân số theo lao động và cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

- Học sinh quan sát hình 23.2 (Biểu đồ cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của Ấn Độ, Brazil và Anh) trang 91, bảng 23 (Tỉ lệ biết chữ - từ 15 tuổi trở lên và số năm đến trường – từ 25 tuổi trở lên trên thế giới năm 2000) trang 92/SGK.

**II. KIẾN THỨC CẦN NHỚ**

**1. Cơ cấu sinh học**

*a. Cơ cấu dân số theo giới*

- Biểu thị tương quan giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân

- Được biểu thị bằng công thức sau

TNN $=\frac{D nam}{D nữ}×100$

Trong đó: TNN: Tỉ số giới tính

Dnam: Dân số nam

Dnữ: Dân số nữ

Hoặc Tnam = $ \frac{D nam}{D TB} ×100$

Trong đó: DTB: Tổng số dân

- Cơ cấu dân số theo giới có sự biến động theo thời gian và khác nhau ở từng nước và khu vực. Nguyên nhân do trình độ phát triển kinh tế, chuyển cư, tuổi thọ trung bình nữ lớn hơn nam.

- Cơ cấu dân số theo giới ảnh hưởng đến phân bố sản xuất, tổ chức đời sống xã hội, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia.

*b. Cơ cấu dân số theo độ tuổi*

- Là tập hợp những nhóm người sắp xếp thep những nhóm tuổi nhất định. Có ý nghĩa quan trọng vì thể hiện tình hình sinh, tử, tuổi thọ và khả năng phát triển của dân số và nguồn lao động của một nước.

- Có 3 nhóm tuổi trên thế giới

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm tuổi** | **Độ tuổi** |
| Nhóm tuổi dưới lao động | Từ 0 – 14 tuổi |
| Nhóm tuổi lao động | Từ 15 – 59 tuổi (64 tuổi) |
| Nhóm tuổi trên lao động | Trên 60 hoặc 65 tuổi |

- Ở Việt Nam, tuổi lao động nam từ 15 – 60 tuổi, nữ từ 15 – 55 tuổi.

- Cơ cấu dân số theo độ tuổi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm tuổi** | **Dân số già (%)** | **Dân số trẻ (%)** |
| Từ 0 – 14 | < 25 | > 35 |
| Từ 15 – 59 | 60 | 55 |
| Trên 60 | > 15 | < 10 |
| *Ảnh hưởng* | - Nhiều kinh nghiệm, chất lượng cuộc sống cao - Thiếu lao động, phúc lợi lớn cho người già | - Lực lượng lao động dồi dào- Sức ép dân số lớn |

- Tháp dân số

+ Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo độ tuổi và giới tính

+ Có 3 kiểu tháp tuổi: Kiểu mở rộng, thu hẹp và ổn định

=> Qua tháp dân số biết được tình hình sinh, tử, gia tăng dân số và tuổi thọ trung bình.

**2. Cơ cấu xã hội**

*a. Cơ cấu dân số theo lao động*

- Cho biết nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế

- Nguồn lao động: Dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động

+ Nhóm dân số hoạt động kinh tế

+ Nhóm dân số không hoạt động kinh tế

- Dân số hoạt động theo khu vực kinh tế

+ Khu vực I: Nông – lâm – ngư nghiệp

+ Khu vực II: Công nghiệp – xây dựng

+ Khu vực III: Dịch vụ

*b. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa*

- Phản ánh trình độ dân trí và học vấn của dân cư, một tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống của một quốc gia.

- Dựa vào 2 yếu tố

+ Tỉ lệ người biết chữ từ 15 tuổi trở lên

+ Số năm đi học của người 25 tuổi trở lên

**III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP**

***1. Phần tự luận***

***Câu 1:*** Phân tích tác động của cơ cấu dân số theo giới và theo độ tuổi đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở 2 nhóm nước phát triển và đang phát triển.

***Câu 2:*** Cho bảng số liệu sau

*Quy mô dân số và cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta giai đoạn 1999 – 2017*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  NămNhóm tuổi | **1999** | **2005** | **2009** | **2015** | **2017** |
| Từ 0 – 14 tuổi | 33,5 | 27,0 | 24,5 | 24,0 | 23,7 |
| Từ 15 – 59 tuổi | 58,4 | 64,0 | 66,8 | 64,7 | 63,7 |
| Từ 60 tuổi trở lên | 8,1 | 9,0 | 8,7 | 11,3 | 12,7 |
| Quy mô dân số | 79,0 | 83,9 | 87,1 | 92,7 | 94,6 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta năm 1999 và 2017.

b. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi quy mô và cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta giai đoạn 1999 – 2017.

***2. Phần trắc nghiệm***

*Câu 1:* Cơ cấu dân số theo giới biểu thị tương quan giữa

A. số nam giới so với nữ giới hoặc so với tổng số dân.

B. số trẻ em nam sinh ra so với trẻ em nữ hoặc so với tổng số dân.

C. số lệ trẻ em nam so với trẻ em nữ được sinh ra trong năm.

D. số trẻ em nam được sinh ra so với tổng số dân.

*Câu 2:* Nhận định nào sau đây ***không*** đúng về đặc điểm cơ cấu dân số thế giới?

A. Biến động theo thời gian, khác nhau ở từng quốc gia và khu vực.

B. Tuổi thọ trung bình ở nữ giới cao hơn nam giới.

C. Ở các nước phát triển nữ giới ít hơn nam giới.

D. Ở các nước đang phát triển nam giới nhiều hơn nữ giới.

*Câu 3:* Nhóm dân số dưới tuổi lao động nằm trong khoảng độ tuổi nào sau đây?

A. Từ 0 – 14 tuổi.

B. Từ 0 – 15 tuổi.

C. Từ 0 – 17 tuổi.

D. Từ 0 – 18 tuổi.

Câu 4: Quốc gia có tỉ lệ người trên 60 tuổi như thế nào thì được xếp vào nhóm các quốc gia có cơ cấu dân số già?

A. Trên 15%.

B. Trên 25%.

C. Dưới 15%.

D. Dưới 10%.

Câu 5: Đặc trưng nào sau đây ***không*** đúng với các nước có cơ cấu dân số trẻ?

A. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi cao.

B. Tỉ lệ dân số phụ thuộc ít.

C. Nguồn lao động dự trữ dồi dào.

D. Vấn đề việc làm, y tế và giáo dục trở thành vấn đề cấp bách.

*Câu 6:* Kiểu tháp dân số mở rộng ***không*** thể hiện đặc điểm nào sau đây?

A. Tỉ suất sinh cao.

B. Tuổi thọ trung bình thấp.

C. Dân số tăng nhanh.

D. Tỉ lệ trẻ em thấp.

Câu 7: Cơ cấu dân số theo lao động cho biết

A. nguồn lao động và nhóm người trên độ tuổi lao động.

B. nguồn lao động và dân số không hoạt động kinh tế.

C. nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

D. dân số hoạt động và không hoạt động theo khu vực kinh tế.

*Câu 8:* Cho bảng số liệu sau

*Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của một số quốc gia năm 2017 (%)*

|  |  |
| --- | --- |
| Quốc gia | Khu vực kinh tế |
| Khu vực I | Khu vực II | Khu vực III |
| Việt Nam | 40,2 | 25,7 | 34,1 |
| Mexico | 13,1 | 26,0 | 60,9 |
| Pháp | 2,6 | 20,6 | 76,8 |

Để thể hiện cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của một số quốc gia năm 2017, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ cột.

D. Biểu đồ kết hợp.

*Câu 9:* Cho bảng số liệu sau đây

*Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta giai đoạn 1999 – 2017 (%)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  NămNhóm tuổi | **1999** | **2005** | **2009** | **2015** | **2017** |
| Từ 0 – 14 tuổi | 33,5 | 27,0 | 24,5 | 24,0 | 23,7 |
| Từ 15 – 59 tuổi | 58,4 | 64,0 | 66,8 | 64,7 | 63,7 |
| Từ 60 tuổi trở lên | 8,1 | 9,0 | 8,7 | 11,3 | 12,7 |

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta giai đoạn 1999 – 2017?

A. Nước ta có cơ cấu dân số già.

B. Nước ta có cơ cấu dân số già và có xu hướng giảm.

C. Nước ta có cơ cấu dân số trẻ và có xu hướng tăng.

D. Nước ta có cơ cấu dân số trẻ và đang có xu hướng già hóa.

*Câu 10:* Năm 2019, tổng số dân của Việt Nam là 96 208 984 người, trong đó dân số nam là 47 881 061 người, dân số nữ là 48 327 923. Vậy tỉ số giới tính của Việt Nam năm 2019 là bao nhiêu?

A. 99,4.

B. 99,3.

C. 99,2.

D. 99,1.

**IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ**

Học sinh đọc trước nội dung bài 24 (Sự phân bố dân cư, các loại hình quần cư và đô thị hóa trang 93 – 97/SGK.

**V. ĐÁP ÁN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP**

***1. Phần tự luận***

***Câu 1:*** *Phân tích tác động của cơ cấu dân số theo độ tuổi đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở 2 nhóm nước phát triển và đang phát triển.*

- Các nước phát triển: Có cơ cấu dân số già

+ Thuận lợi: Trẻ em ít, có điều kiện chăm sóc, giáo dục sức khỏe trẻ em tốt, chất lượng cuộc sống được đảm bảo.

+ Khó khăn: Thiếu lao động, phải hỗ trợ và chăm sóc y tế cho người gia, chi phí phúc lợi xã hội tăng cao, nguy cơ suy giảm dân số và thiếu nguồn nhân lực cho đất nước.

- Các nước đang phát triển: Có cơ cấu dân số trẻ

+ Thuận lợi: Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao là nguồn dự trữ lao động dồi dào, nguồn nhân lực quan trọng trong phát triển KTXH đất nước

+ Khó khăn: Tỉ lệ trẻ em cao, độ tuổi đi học đông làm cho nhu cầu về giáo dục, chăm sóc y tế cho trẻ em lớn. Lao động, việc làm cho người lao động bước vào độ tuổi lao động => Ảnh hưởng đến các vấn đề về kinh tế, xã hội

***Câu 2:***

*a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta năm 1999 và 2017.*

- Vẽ biểu đồ tròn, 2 đường tròn biểu thị cho 2 năm 1999 và 2017.

- Chia đúng tỉ lệ cho mỗi thành phần, chú thích, số liệu, tên biểu đồ, năm.

- Thẩm mỹ và trực quan.

*Biểu đồ cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta năm 1999 – 2017*

*b. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi quy mô và cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta giai đoạn 1999 – 2017.*

Quy mô dân số và cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta giai đoạn 1999 – 2017 có sự thay đổi, cụ thể

- Quy mô dân số nước ta đông, tăng liên tục, tăng 15,6 triệu người, trung bình mỗi năm tăng thêm hơn 0,8 triệu người.

- Cơ cấu dân số theo độ tuổi có sự thay đổi rõ rệt

+ Tỉ lệ dân số từ 0 – 14 tuổi có xu hướng giảm, giảm 9,8%

+ Tỉ lệ dân số từ 15 – 59 tuổi có xu hướng tăng, tăng 4,3%

+ Tỉ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên có xu hướng tăng, tăng 4,6%

=> Dân số nước ta có cơ cấu dân số trẻ, tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động lớn 63,7% - 2017, đang có xu hướng già hóa và bước vào thời kì dân số vàng.

- Nguyên nhân: Kết quả của quá trình thực hiện chính sách dân số => Tỉ lệ sinh có xu hướng giảm, dân số tăng do quy mô dân số lớn.

- Kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống được nâng cao, giáo dục, y tế được chú trọng, tâm lí xã hội thay đổi => Làm thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi.

***2. Phần trắc nghiệm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| Đáp án | A | C | A | A | B | D | C | B | D | D |

Lưu ý: Giáo viên hỗ trợ Thầy Trương Công Thái – SĐT: 0969 004 810